shàn hòu

缮后

verb · repair and maintain

Example Sentence

Zhè zuò gǔ qiáo xū yào dìng qī shàn hòu cái néng bǎo chí ān quán
这 座 古 桥 需 要 定 期 缮 后，才 能 保 持 安 全 。

This ancient bridge needs regular repair and maintenance to stay safe.

Trace each character, then write the word on your own.

缮 缮 缮 缮 缮 缮 缮 缮 缮 缮 缮
缮 缮 缮 缮 缮 缮 缮

后 后 后 后 后 后 后 后 后